

Câu 1. Theo nghị định số 15/2015/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, mức trần vốn nhà nước tham gia vào thực hiện dự án PPP là bao nhiêu ?

- a. 30% tổng vốn đầu tư của dự án
- b. 49% tổng vốn đầu tư của dự án
- c. 60% tổng vốn đầu tư của dự án
- d. Không quy định mức trần vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP

Câu 2. Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư bao gồm

- a. Vốn ngân sách nhà nước
- b. Vốn trái phiếu chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương
- c. Vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài
- d. Tất cả các phương án a, b, c.

Câu 3. Những dự án an sinh xã hội mà nguồn thu từ người sử dụng không đủ bù đắp chi phí và tạo ra lợi nhuận cho nhà đầu tư thông thường sẽ áp dụng hình thức hợp đồng nào

- a. BOT, BTO
- b. BT
- c. BTL, BLT
- d. BOO

Câu 4. Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án đối tác công tư được sử dụng để thực hiện các hoạt động nào

- a. Góp vốn để hỗ trợ xây dựng công trình đối với dự án có hoạt động kinh doanh, thu phí từ người sử dụng, nhưng khoản thu không đủ để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận
- b. Thanh toán cho nhà đầu tư cung cấp dịch vụ theo hợp đồng BLT, hợp đồng BTL và các hợp đồng tương tự khác
- c. Hỗ trợ xây dựng công trình phụ trợ, tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư
- d. Tất cả các phương án a, b, c.

Câu 5. Giá trị vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án được xác định trên cơ sở

- a. Phương án tài chính của dự án
- b. Chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước được Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ trên mức vốn và nguồn vốn sử dụng
- c. Khả năng huy động, cân đối nguồn vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án
- d. Tất cả các phương án a, b, c.

Câu 6. Hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đối tác công tư không bao gồm tài liệu nào sau đây

- a. Báo cáo thẩm định dự án
- b. Báo cáo nghiên cứu khả thi
- c. Hồ sơ thành lập doanh nghiệp dự án
- d. Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan

Câu 7. Nội dung thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đối tác công tư bao gồm:

- a. Sự cần thiết của việc thực hiện dự án; Đánh giá các yếu tố cơ bản của dự án
- b. Sự cần thiết của việc thực hiện dự án; Đánh giá các yếu tố cơ bản của dự án; Tính khả thi của dự án
- c. Sự cần thiết của việc thực hiện dự án; Đánh giá các yếu tố cơ bản của dự án; Tính khả thi của dự án; Hiệu quả của dự án; Các nội dung cần thiết khác
- d. Sự cần thiết của việc thực hiện dự án; Đánh giá các yếu tố cơ bản của dự án; Tính khả thi của dự án; Hiệu quả của dự án; Đánh giá tác động kinh tế xã hội của dự án.

Câu 8. Dự án được công bố phải bao gồm những nội dung chủ yếu nào:

- a. Tên dự án và loại hợp đồng, mục tiêu, quy mô, địa điểm thực hiện dự án
- b. Tóm tắt yêu cầu về kỹ thuật, tiêu chuẩn, chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp

- c. Dự kiến tổng vốn đầu tư, vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án (nếu có); Dự kiến tiến độ, thời hạn thực hiện dự án, thông tin cập nhật về tình hình triển khai dự án
- d. Tất cả các nội dung a, b, c.

Câu 9. Nội dung nào sau đây về ưu đãi đầu tư không đúng

- a. Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp
- b. Hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu
- c. Các nhà thầu, nhà đầu tư nước ngoài tham gia thực hiện dự án không được hưởng các ưu đãi về thuế.
- d. Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được miễn hoặc giảm tiền sử dụng đất đối với diện tích đất được Nhà nước giao hoặc miễn giảm tiền thuê đất trong thời gian thực hiện dự án phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

Câu 10. Quy định nào dưới đây không đảm bảo nhà đầu tư tham dự thầu độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với nhà thầu tư vấn; với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bên mời thầu

- a. Không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý đối với đơn vị sự nghiệp
- b. Nhà đầu tư tham dự thầu với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bên mời thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 50% của nhau
- c. Nhà đầu tư tham dự thầu với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bên mời thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% của nhau
- d. Nhà đầu tư tham dự thầu với nhà thầu tư vấn lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi; nhà thầu tư vấn lập, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư không có cổ phần hoặc vốn góp của nhau; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên từ 20% trở lên.

Câu 11. Hợp đồng Xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (BOT) là

- a. Hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng, sau khi hoàn thành công trình, nhà đầu tư chuyển giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được quyền kinh doanh công trình đó trong một thời hạn nhất định
- b. Hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng, sau khi hoàn thành công trình, nhà đầu tư được quyền kinh doanh công trình trong một thời hạn nhất định, hết thời hạn, nhà đầu tư chuyển giao công trình đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- c. Hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng, nhà đầu tư chuyển giao công trình đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được thanh toán bằng quỹ đất để thực hiện dự án khác
- d. Hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng, sau khi hoàn thành công trình, nhà đầu tư sở hữu và được quyền kinh doanh công trình đó trong một thời gian nhất định.

Câu 12. Hợp đồng dự án nào được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; nhà đầu tư chuyển giao công trình đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được thanh toán bằng quỹ đất để thực hiện một Dự án khác

- a. BOT
- b. BTO
- c. BT
- d. BOO

Câu 13. Hợp đồng dự án nào được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi hoàn thành công trình, nhà đầu tư sở hữu và được quyền kinh doanh công trình đó trong một thời gian nhất định

- a. BOO
- b. BOT
- c. BTO
- d. BT

Câu 14. Hợp đồng Kinh doanh – Quản lý (O&M) là hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư

- a. Nhà đầu tư chỉ được kinh doanh một phần công trình
- b. Nhà đầu tư được quyền kinh doanh toàn bộ công trình
- c. Nhà đầu tư được quyền kinh doanh một phần hoặc toàn bộ công trình
- d. Nhà đầu tư được kinh doanh một phần hoặc toàn bộ công trình trong một thời hạn nhất định

Câu 15. Trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư, thời gian phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư tối đa là

- a. 05 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định
- b. 07 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định
- c. 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định
- d. 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định

Câu 16. Kể từ ngày đầu tiên đăng tải thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu, gửi thư mời thầu đến trước thời điểm đóng thầu, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được phát hành

- a. Sau 03 ngày làm việc
- b. Sau 05 ngày làm việc
- c. Sau 07 ngày làm việc
- d. Sau 09 ngày làm việc

Câu 17. Kể từ ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời sơ tuyển cho đến ngày có thời điểm đóng thầu, thời gian chuẩn bị hồ sơ dự sơ tuyển tối thiểu là

- a. 10 ngày
- b. 15 ngày
- c. 30 ngày
- d. 20 ngày

Câu 18. Hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đối tác công tư được áp dụng trong trường hợp nào

- a. Nhà đầu tư nước ngoài không tham dự sơ tuyển quốc tế hoặc không trúng sơ tuyển quốc tế
- b. Các dự án PPP nhóm C theo quy định pháp luật về đầu tư công
- c. Dự án đầu tư có sử dụng đất mà sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) dưới một trăm hai mươi tỷ đồng
- d. Tất cả các trường hợp a, b, c.

Câu 19. Các dự án đối tác công tư thuộc nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công sử dụng hình thức lựa chọn nhà thầu nào

- a. Hình thức đấu thầu rộng rãi quốc tế
- b. Hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước
- c. Hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước. Trường hợp cần sử dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, kinh nghiệm quản lý quốc tế thì nhà đầu tư trong nước được liên danh với các nhà đầu tư nước ngoài hoặc sử dụng nhà thầu nước ngoài để tham dự thầu và thực hiện dự án
- d. Phương án b và c

Câu 20. Toàn bộ hồ sơ liên quan đến quá trình lựa chọn nhà đầu tư được lưu giữ (trừ hồ sơ đề xuất về tài chính- thương mại của nhà đầu tư không vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, trường hợp hủy thầu, hồ sơ quyết toán hợp đồng dự án)

- a. Tối thiểu 01 năm sau khi kết thúc hợp đồng dự án
- b. Tối thiểu 02 năm sau khi kết thúc hợp đồng dự án
- c. Tối thiểu 03 năm sau khi kết thúc hợp đồng dự án
- d. Tối thiểu 04 năm sau khi kết thúc hợp đồng dự án

Câu 21. Trong trường hợp hồ sơ đề xuất về tài chính – thương mại của nhà đầu tư không vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật sẽ được xử lý như thế nào

- a. Được hoàn trả nguyên trạng cho nhà đầu tư cùng thời gian với việc hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu của nhà đầu tư không được lựa chọn
- b. Được Bên mời thầu xem xét, quyết định hủy hồ sơ đề xuất về tài chính – thương mại và được đảm bảo thông tin trong hồ sơ đề xuất về tài chính – thương mại của nhà đầu tư không bị tiết lộ trong trường hợp nhà đầu tư không nhận lại hồ sơ đề xuất này

- c. Đáp án a và c
- d. Được lưu trữ tối thiểu 01 năm sau khi hoàn thành quá trình lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án

Câu 22. Hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư bao gồm

- a. Thông tin chỉ dẫn nhà đầu tư; Yêu cầu về tư cách hợp lệ của nhà đầu tư; Yêu cầu về tư cách hợp lệ của nhà đầu tư; Yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; Tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển.
- b. Thông tin chỉ dẫn nhà đầu tư; Yêu cầu về tư cách hợp lệ của nhà đầu tư, Yêu cầu về tư cách hợp lệ của nhà đầu tư
- c. Thông tin chỉ dẫn nhà đầu tư; Yêu cầu về tư cách hợp lệ của nhà đầu tư, Tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển
- d. Thông tin chỉ dẫn nhà đầu tư; Yêu cầu về tư cách hợp lệ của nhà đầu tư, Yêu cầu về tư cách hợp lệ của nhà đầu tư; Yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

Câu 23. Trường hợp sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển sau khi phát hành, bên mời thầu có trách nhiệm

- a. Gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển đến các nhà đầu tư đã đăng ký dự sơ tuyển
- b. Gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển đến các nhà đầu tư đã mua hồ sơ mời sơ tuyển
- c. Đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển
- d. Nhà đầu tư có trách nhiệm phải tự cập nhật các thông tin sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển

Câu 24. Trường hợp nhà đầu tư cần làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển thì nhà đầu tư phải có văn bản đề nghị đến bên mời thầu

- a. Tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu
- b. Tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu
- c. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu
- d. Tối thiểu 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu

Câu 25. Trong quá trình làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, việc làm nào của bên mời thầu là không đúng:

- a. Nội dung làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển không được trái với nội dung của hồ sơ mời sơ tuyển đã được duyệt
- b. Tất cả nội dung làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển đều được thông báo cho các nhà đầu tư đã mua hồ sơ mời sơ tuyển
- c. Việc làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển bên mời thầu chỉ gửi trả lời cho nhà đầu tư có đề nghị làm rõ
- d. Bên mời thầu có thể tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong hồ sơ mời sơ tuyển mà các nhà đầu tư chưa rõ

Câu 26. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu về tài chính – thương mại, bao gồm

- a. Phương pháp giá dịch vụ; Phương pháp vốn góp của Nhà nước; Phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước; Phương pháp kết hợp (giá dịch vụ, vốn góp của Nhà nước, lợi ích xã hội và lợi ích Nhà nước)
- b. Phương pháp giá dịch vụ; Phương pháp vốn góp của Nhà nước
- c. Phương pháp giá dịch vụ; Phương pháp vốn góp của Nhà nước; Phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước
- d. Phương pháp vốn góp của Nhà nước; Phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước

Câu 27. Áp dụng Phương pháp giá dịch vụ trong đánh giá hồ sơ dự thầu về mặt tài chính – thương mại nào sau đây là không đúng

- a. Phương pháp giá dịch vụ được áp dụng đối với các dự án mà giá dịch vụ là tiêu chí để đánh giá về tài chính – thương mại.
- b. Phương pháp giá dịch vụ được áp dụng với các dự án mà các nội dung như tiêu chuẩn đối với tài sản, dịch vụ thuộc dự án, thời gian hoàn vốn và các yếu tố liên quan chưa được xác định trong hồ sơ mời thầu.
- c. Các hồ sơ dự thầu được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì căn cứ vào giá dịch vụ để so sánh, xếp hạng.
- d. Nhà đầu tư vượt qua đánh giá về kỹ thuật thì đề xuất giá dịch vụ thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào đàm phán sơ bộ hợp đồng.

Câu 28. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu về mặt tài chính – thương mại căn cứ vào tiêu chí vốn góp của Nhà nước

- a. Áp dụng đối với dự án mà vốn góp của Nhà nước là tiêu chí để đánh giá về tài chính – thương mại, các nội dung khác như tiêu chuẩn đối với tài sản, dịch vụ thuộc dự án, thời gian hoàn vốn, giá dịch vụ đã được xác định rõ trong hồ sơ mời thầu
- b. Các hồ sơ dự thầu được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì căn cứ vào đề xuất phần vốn góp của Nhà nước để so sánh, xếp hạng.
- c. Nhà đầu tư vượt qua đánh giá về kỹ thuật và có đề xuất vốn góp của Nhà nước thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và mời vào đàm phán sơ bộ hợp đồng
- d. Tất cả các nội dung a, b, c

Câu 29. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu về mặt tài chính – thương mại căn cứ vào tiêu chí lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước

- a. Phương pháp dựa trên lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước cân nhắc cả các phương án thực hiện dự án không vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nhưng hiệu quả đầu tư lớn và đề xuất nộp ngân sách nhà nước lớn.
- b. Phương pháp đánh giá nhà đầu tư chào phương án thực hiện dự án có hiệu quả đầu tư lớn nhất thể hiện thông qua tiêu chí đề xuất nộp ngân sách nhà nước. Nhà đầu tư vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật và có đề xuất nộp ngân sách lớn nhất được xếp thứ nhất và mời vào đàm phán sơ bộ hợp đồng.
- c. Phương pháp dựa trên lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước chỉ căn cứ trên hiệu quả đầu tư và đề xuất nộp ngân sách nhà nước của các nhà đầu tư để đánh giá xếp hạng các hồ sơ dự thầu.
- d. Phương pháp dựa trên lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước căn cứ trên hiệu quả đầu tư của các nhà đầu tư để xếp hạng các hồ sơ dự thầu, nhà đầu tư xếp hạng thứ nhất là nhà đầu tư có giá dịch vụ thấp nhất, phần vốn góp của Nhà nước thấp nhất và đề xuất nộp ngân sách cao nhất.

Câu 30. Trong đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP, quy định nào sau đây không đúng.

- a. Hồ sơ mời thầu chỉ được phát hành cho các nhà đầu tư có tên trong danh sách ngắn.
- b. Thư mời thầu được gửi đến các nhà đầu tư có tên trong danh sách ngắn, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm phát hành hồ sơ mời thầu, thời gian đóng thầu, mở thầu.

- c. Tất cả các thành viên trong liên danh đều phải mua hồ sơ mời thầu.
- d. Đối với nhà đầu tư liên danh, chỉ cần một thành viên trong liên danh mua hồ sơ mời thầu.

Câu 31. Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu

- a. Việc đánh giá hồ sơ dự thầu phải căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và các yêu cầu khác trong hồ sơ mời thầu, căn cứ vào hồ sơ dự thầu đã nộp, các tài liệu giải thích làm rõ hồ sơ dự thầu.
- b. Việc đánh giá hồ sơ dự thầu được thực hiện trên bản chụp, nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp.
- c. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu đó bị loại.
- d. Tất cả các nguyên tắc a, b, c.

Câu 32. Sau khi mở thầu, nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ hồ sơ dự thầu đã nộp. Nguyên tắc làm rõ hồ sơ dự thầu

- a. Nhà đầu tư được phép gửi các tài liệu bổ sung về năng lực, kinh nghiệm, phương án kỹ thuật và tài chính tới bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu để làm rõ hồ sơ dự thầu đã nộp.
- b. Việc làm rõ đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính – thương mại nêu trong hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu đã nộp.
- c. Nội dung làm rõ hồ sơ dự thầu phải được thể hiện bằng văn bản và được thông báo rộng rãi tới tất cả các nhà đầu tư tham dự thầu
- d. Đáp án a và c

Câu 33. Kiểm tra tính hợp lệ của Hồ sơ đề xuất về tài chính – thương mại của nhà đầu tư, bao gồm

- a. Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ đề xuất về tài chính – thương mại; kiểm tra đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính – thương mại, các thành phần khác thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính – thương mại; Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp.

- b. Hiệu lực của hồ sơ đề xuất tài chính – thương mại đáp ứng yêu cầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu
- c. Có bản gốc hồ sơ đề xuất về tài chính- thương mại
- d. Phương án b và c.

Câu 34. Quy định thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu

- a. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu bằng thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất cộng thêm 10 ngày
- b. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu bằng thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất cộng thêm 20 ngày
- c. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu bằng thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất cộng thêm 30 ngày
- d. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu bằng thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất cộng thêm 40 ngày

Câu 35. Quy định bảo đảm dự thầu khi nhà đầu tư liên danh tham gia đấu thầu

- a. Bắt buộc từng thành viên trong liên danh thực hiện bảo đảm dự thầu riêng rẽ.
- b. Từng thành viên trong liên danh có thể thực hiện bảo đảm dự thầu riêng rẽ hoặc thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên đó và cho thành viên khác trong liên danh.
- c. Từng thành viên trong liên danh thực hiện bảo đảm dự thầu riêng rẽ đảm bảo tổng giá trị thấp hơn mức yêu cầu của hồ sơ mời thầu.
- d. Nhà thầu liên danh không phải thực hiện bảo đảm dự thầu.

Câu 36. Quy định về việc mở hồ sơ đề xuất kỹ thuật

- a. Việc mở hồ sơ đề xuất kỹ thuật được tiến hành công khai và bắt buộc tất cả các nhà đầu tư phải tham dự.
- b. Việc mở hồ sơ đề xuất kỹ thuật phải được tiến hành công khai và bắt đầu ngay trong vòng 01 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu.
- c. Việc mở hồ sơ đề xuất kỹ thuật được thực hiện theo thứ tự nhà thầu nào nộp hồ sơ trước sẽ được mở thầu trước.
- d. Việc mở hồ sơ đề xuất kỹ thuật không nhất thiết phải ngay sau thời điểm đóng thầu mà phụ thuộc vào quy định của từng đơn vị.

Câu 37. Việc đàm phán sơ bộ hợp đồng phải dựa trên cơ sở nào

- a. Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu; Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu (nếu có); Hồ sơ mời thầu
- b. Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu; Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu (nếu có); Hồ sơ mời thầu; Biên bản mở, đóng thầu
- c. Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu; Đề xuất về kỹ thuật, Đề xuất về tài chính; Bảo đảm dự thầu
- d. Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu (nếu có); Hồ sơ mời thầu; Xếp hạng các nhà thầu.

Câu 38. Nguyên tắc đàm phán sơ bộ hợp đồng

- a. Tùy vào đặc thù của từng dự án mà tiến hành đàm phán sơ bộ đối với các nội dung mà nhà đầu tư đã chào thầu theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu
- b. Việc đàm phán sơ bộ hợp đồng được phép làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu
- c. Không tiến hành đàm phán sơ bộ đối với các nội dung mà nhà đầu tư đã chào thầu theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu và việc đàm phán này không được làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu
- d. Đáp án a và b đúng

Câu 39. Nhà đầu tư được đề nghị lựa chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện nào

- a. Có hồ sơ dự thầu hợp lệ; Đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật; Có giá dịch vụ thấp nhất, không vượt mức giá dịch vụ xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt; có đề xuất phần vốn góp của Nhà nước thấp nhất và không vượt giá trị vốn góp của Nhà nước xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt đối với phương pháp vốn góp của Nhà nước; có đề xuất nộp ngân sách nhà nước lớn nhất đối với phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước
- b. Có hồ sơ dự thầu hợp lệ; Đáp ứng cao nhất về năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật
- c. Có giá dịch vụ thấp nhất, không vượt mức giá dịch vụ xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt; có đề xuất phần vốn góp của Nhà nước thấp nhất và không vượt giá trị vốn góp của Nhà nước xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt đối với phương pháp vốn góp của Nhà nước; có đề xuất nộp ngân sách nhà nước lớn nhất đối với phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước.
- d. Phương án b và c

Câu 40. Xử lý tình huống: Trường hợp tại thời điểm đóng thầu, không có nhà đầu tư nào nộp hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu thì bên mời thầu phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- a. Cho phép gia hạn thời điểm đóng thầu tối đa là 30 ngày hoặc Quyết định hủy thầu đồng thời yêu cầu bên mời thầu điều chỉnh hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu và tổ chức lại việc lựa chọn nhà đầu tư.
- b. Xem xét chỉ định thầu một nhà đầu tư vào thực hiện dự án
- c. Cho phép gia hạn thời điểm đóng thầu tối đa là 30 ngày hoặc Quyết định hủy thầu đồng thời yêu cầu bên mời thầu điều chỉnh hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu và tổ chức lại việc lựa chọn nhà đầu tư hoặc xem xét chuyển đổi hình thức đầu tư do dự án không hấp dẫn nhà đầu tư.

d. Phương án a và b

Câu 41. Xử lý tình huống: Trường hợp tất cả các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và nằm trong danh sách xếp hạng đều đề xuất giá dịch vụ, phần vốn góp Nhà nước cao hơn giá dịch vụ, phần vốn góp của Nhà nước xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc đề xuất dự án (đối với dự án PPP nhóm C) được phê duyệt thì Người có thẩm quyền xem xét, xử lý:

- a. Cho phép các nhà đầu tư được chào lại đề xuất về tài chính – thương mại
- b. Cho phép đồng thời với việc các nhà đầu tư này chào lại đề xuất về tài chính – thương mại, người có thẩm quyền xem xét lại giá dịch vụ, phần vốn góp của Nhà nước xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc đề xuất dự án (đối với dự án PPP nhóm C) được phê duyệt, nếu cần thiết.
- c. Phương án a và b
- d. Nhà đầu tư có điểm kỹ thuật cao nhất sẽ được xếp hạng thứ nhất

Câu 42. Điều kiện để xem xét, giải quyết kiến nghị

- a. Kiến nghị phải là của nhà đầu tư tham dự thầu; Đơn kiến nghị phải có chữ ký của người ký đơn dự thầu hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư, được đóng dấu (nếu có); Nội dung kiến nghị chưa được nhà đầu tư khởi kiện ra Tòa án; Chi phí giải quyết kiến nghị được nhà đầu tư nộp theo đúng quy định; Người có trách nhiệm giải quyết kiến nghị nhận được đơn kiến nghị theo đúng quy định.
- b. Kiến nghị phải là của nhà đầu tư tham dự thầu; Đơn kiến nghị phải có chữ ký của người ký đơn dự thầu hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư, được đóng dấu (nếu có);
- c. Nội dung kiến nghị đã được nhà đầu tư khởi kiện ra Tòa án; Chi phí giải quyết kiến nghị được nhà đầu tư nộp theo đúng quy định; Người có trách nhiệm giải quyết kiến nghị nhận được đơn kiến nghị theo đúng quy định
- d. Phương án b và c

Câu 43. Các hình thức xử lý vi phạm trong lựa chọn nhà đầu tư

- a. Cảnh cáo; Phạt tiền
- b. Cảnh cáo; Phạt tiền; Cấm tham gia hoạt động đấu thầu
- c. Cảnh cáo; Phạt tiền; Cấm tham gia hoạt động đấu thầu; Truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu cấu thành tội phạm theo quy định của pháp luật về hình sự. Đối với cán bộ, công chức có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu còn bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức
- d. Cảnh cáo; Phạt tiền; Cấm tham gia hoạt động đấu thầu; Truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu cấu thành tội phạm theo quy định của pháp luật về hình sự

Câu 44. Xử lý vi phạm trong đấu thầu

- a. Bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.
- b. Bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu và đưa vào danh sách các nhà thầu vi phạm trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- c. Phương án a và b
- d. Bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; Bị đưa vào danh sách các nhà thầu vi phạm trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Câu 45. Biện pháp đình chỉ cuộc thầu, không công nhận kết quả lựa chọn nhà đầu tư

- a. Biện pháp đình chỉ được áp dụng để khắc phục ngay khi vi phạm đã xảy ra và được thực hiện đến trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Biện pháp không công nhận kết quả lựa chọn nhà đầu tư được

- thực hiện từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư đến trước khi ký kết hợp đồng
- b. Biện pháp đình chỉ được áp dụng để khắc phục ngay khi vi phạm đã xảy ra và được thực hiện đến trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.
 - c. Biện pháp không công nhận kết quả lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện từ ngày Bên mời thầu báo cáo kết quả lựa chọn nhà đầu tư đến trước khi ký kết hợp đồng
 - d. Đáp án b và c

Câu 46. Trách nhiệm của người có thẩm quyền khi phát hiện chủ đầu tư, bên mời thầu có hành vi vi phạm về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan trong lựa chọn nhà đầu tư

- a. Báo cáo lên cơ quan cấp trên xin ý kiến
- b. Đình chỉ cuộc thầu, không công nhận kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc tuyên bố vô hiệu đối với các quyết định của chủ đầu tư, bên mời thầu
- c. Báo cáo lên Thủ tướng Chính phủ xin ý kiến
- d. Báo cáo lên Cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu xin ý kiến

Câu 47. Hình thức cảnh cáo, phạt tiền được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong các trường hợp nào sau đây

- a. Vi phạm pháp luật về đấu thầu theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.
- b. Nhà đầu tư cố ý cung cấp thông tin không trung thực, làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư.
- c. Áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư không phải là hình thức đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện theo quy định của Luật đấu thầu..
- d. Phương án b và c.

Câu 48. Thời hạn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án PPP quan trọng quốc gia:

- a. Không quá 90 ngày
- b. Không quá 70 ngày
- c. Không quá 50 ngày
- d. Không quá 30 ngày

Câu 49. Thời hạn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án PPP nhóm A:

- a. Không quá 50 ngày
- b. Không quá 40 ngày
- c. Không quá 30 ngày
- d. Không quá 20 ngày

Câu 50. Trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư, thời gian đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển

- a. Tối đa 15 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày bên mở thầu trình người có thẩm quyền phê duyệt kết quả sơ tuyển
- b. Tối đa 30 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày bên mở thầu trình người có thẩm quyền phê duyệt kết quả sơ tuyển
- c. Tối đa 45 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày bên mở thầu trình người có thẩm quyền phê duyệt kết quả sơ tuyển
- d. Tối đa 60 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày bên mở thầu trình người có thẩm quyền phê duyệt kết quả sơ tuyển

Câu 51. Đối với đấu thầu quốc tế, thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu

- a. Tối thiểu là 30 ngày kể từ ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời thầu cho đến ngày có thời điểm đóng thầu
- b. Tối thiểu là 45 ngày kể từ ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời thầu cho đến ngày có thời điểm đóng thầu

- c. Tối thiểu là 60 ngày kể từ ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời thầu cho đến ngày có thời điểm đóng thầu
- d. Tối thiểu là 90 ngày kể từ ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời thầu cho đến ngày có thời điểm đóng thầu

Câu 52. Trong trường hợp nhà đầu tư liên danh, việc ký kết hợp đồng với chủ đầu tư được quy định như sau

- a. Người đứng đầu liên danh sẽ thay mặt liên danh đứng ra ký kết hợp đồng với chủ đầu tư
- b. Tất cả các nhà đầu tư tham dự liên danh đều phải ký tên trong hợp đồng với chủ đầu tư
- c. Việc ký tên trong hợp đồng với chủ đầu tư được quy định trong thỏa thuận liên danh
- d. Không có đáp án nào đúng

Câu 53. Những quy định nào sau đây về giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư là không đúng:

- a. Trong trường hợp kiến nghị của nhà đầu tư không đáp ứng điều kiện để xem xét, giải quyết kiến nghị theo quy định thì Người có trách nhiệm giải quyết kiến nghị thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư về việc không xem xét, giải quyết kiến nghị
- b. Nhà đầu tư được quyền rút đơn kiến nghị trong quá trình giải quyết kiến nghị nhưng phải có văn bản
- c. Bên mời thầu có trách nhiệm giải quyết vô điều kiện tất cả mọi kiến nghị của nhà đầu tư để đảm bảo tính công bằng, cạnh tranh, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong đấu thầu
- d. Trong văn bản trả lời về kết quả giải quyết kiến nghị cho nhà đầu tư phải có kết luận về nội dung kiến nghị và phải nêu biện pháp, cách thức và thời gian khắc phục hậu quả (nếu có)

Câu 54. Nhà đầu tư thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình trong thời hạn

- a. 03 tháng kể từ ngày hoàn thành công trình
- b. 06 tháng kể từ ngày hoàn thành công trình
- c. 09 tháng kể từ ngày hoàn thành công trình
- d. 12 tháng kể từ ngày hoàn thành công trình

Câu 55. Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố dự án, danh mục dự án trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời gian:

- a. 05 ngày làm việc kể từ ngày đề xuất dự án được phê duyệt
- b. 07 ngày làm việc kể từ ngày đề xuất dự án được phê duyệt
- c. 09 ngày kể từ ngày đề xuất dự án được phê duyệt
- d. 12 ngày kể từ ngày đề xuất dự án được phê duyệt

Câu 56. Việc sơ tuyển nhà đầu tư được thực hiện

- a. 05 ngày làm việc, kể từ khi kế hoạch lựa chọn đầu tư được duyệt
- b. 10 ngày, kể từ khi kế hoạch lựa chọn đầu tư được duyệt
- c. Trước khi kế hoạch lựa chọn đầu tư được duyệt
- d. 15 ngày, kể từ khi kế hoạch lựa chọn đầu tư được duyệt

Câu 57. Đối với dự án PPP nhóm C, sau khi phê duyệt dự án, người có thẩm quyền quyết định

- a. Bắt buộc phải áp dụng sơ tuyển quốc tế
- b. Bắt buộc phải áp dụng sơ tuyển trong nước
- c. Áp dụng sơ tuyển trong nước hoặc không áp dụng sơ tuyển
- d. Phương án a và b

Câu 58. Trường hợp có nhiều hơn 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ tuyển

- a. Lựa chọn tối thiểu 03 và tối đa 05 nhà đầu tư xếp hạng cao nhất vào danh sách ngắn
- b. Lựa chọn tối thiểu 04 và tối đa 05 nhà đầu tư xếp hạng cao nhất vào danh sách ngắn

- c. Lựa chọn tối thiểu 05 và tối đa 06 nhà đầu tư xếp hạng cao nhất vào danh sách ngắn
- d. Lựa chọn tất cả các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ tuyển vào danh sách ngắn

Câu 59. Trước khi phê duyệt Danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật

- a. Phải được thẩm định
- b. Không phải thẩm định.
- c. Tùy theo Bên mời thầu thấy cần thẩm định hay không
- d. Tùy theo yêu cầu của Người có thẩm quyền thấy cần thẩm định hay không

Câu 60. Điều kiện phát hành hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư có sử dụng đất

- a. Dự án thuộc danh mục dự án do Bộ, UBND tỉnh công bố hoặc dự án do nhà đầu tư đề xuất; Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư được duyệt; Hồ sơ mời thầu được duyệt, Thông báo mời thầu hoặc danh sách ngắn được đăng tải; Có quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (nếu có).
- b. Dự án thuộc danh mục dự án do Bộ, UBND tỉnh công bố hoặc dự án do nhà đầu tư đề xuất; Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư được duyệt; Có quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (nếu có).
- c. Dự án thuộc danh mục dự án do Bộ, UBND tỉnh công bố hoặc dự án do nhà đầu tư đề xuất; Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư được duyệt; Thông báo mời thầu hoặc danh sách ngắn được đăng tải; Có quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/200 hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/50 (nếu có).
- d. Dự án thuộc danh mục dự án do Bộ, UBND tỉnh công bố hoặc dự án do nhà đầu tư đề xuất; Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư được duyệt; Hồ sơ mời thầu được duyệt;

